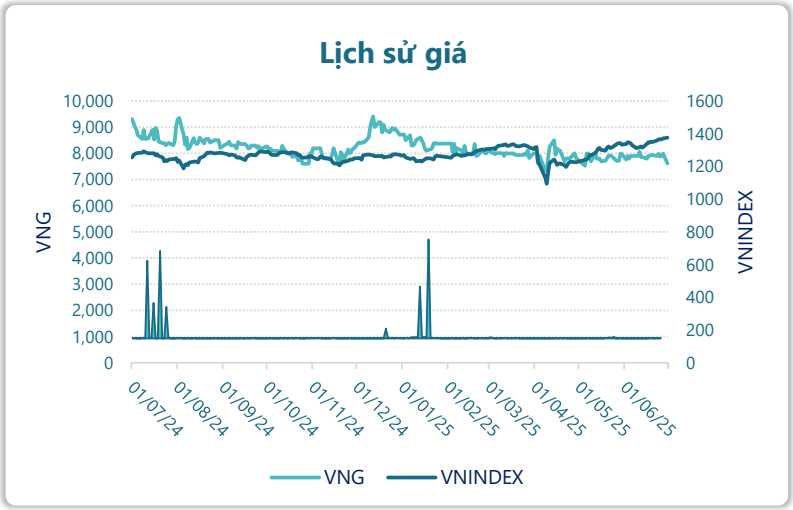
FireAnt

CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,620**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,410
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,350
SL cổ phiếu LH	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	392,040
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	741
P/E	-7.9
EPS	-960

DT thuần

Q2/25

177

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0| 17.0%

YoY: ▼41.0| -19.0%

LN sau thuế

Q2/25

-50.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.60| -15.0%

YoY: ▼96.9| -209%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.9%

+/- YoY: ▼ 47.8%

DT thuần

6T 2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▼51.0| -13.4%

LN sau thuế

6T 2025

-94.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼95.6| -9640%

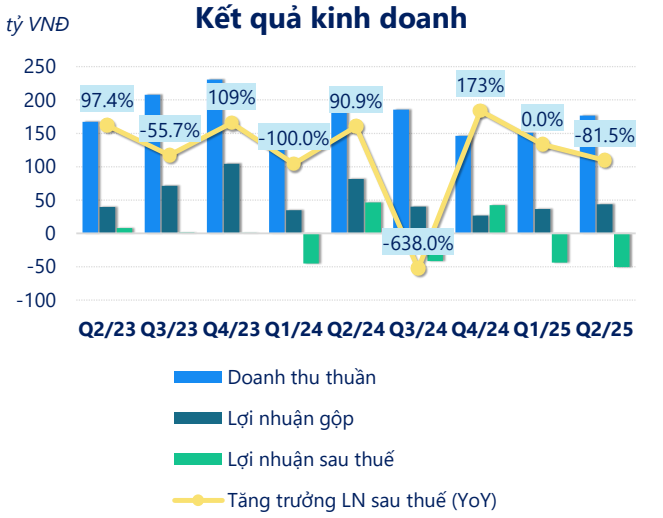
ROE

Q2/25

-8.7%

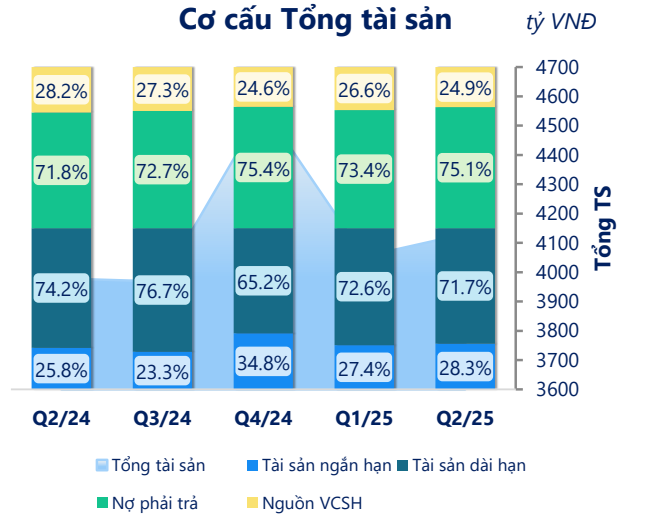
+/- YoY: ▼ 9.0%

Kết quả kinh doanh



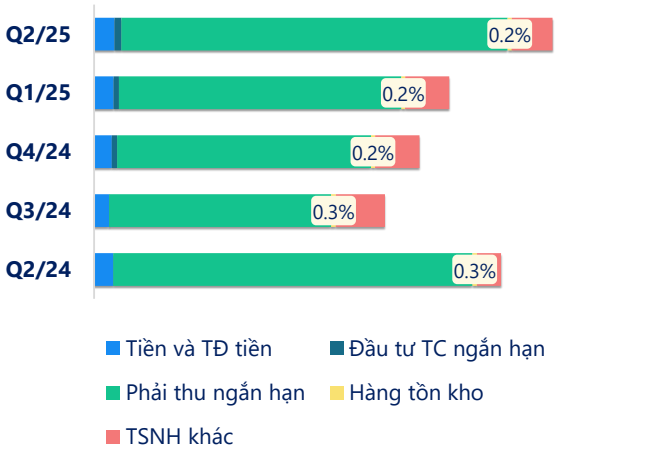
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



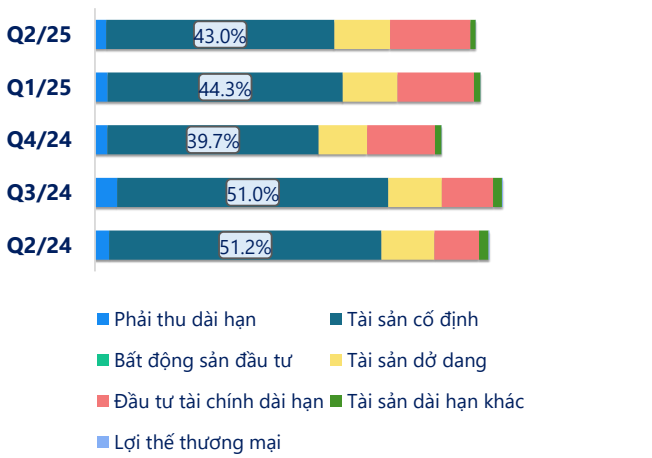
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



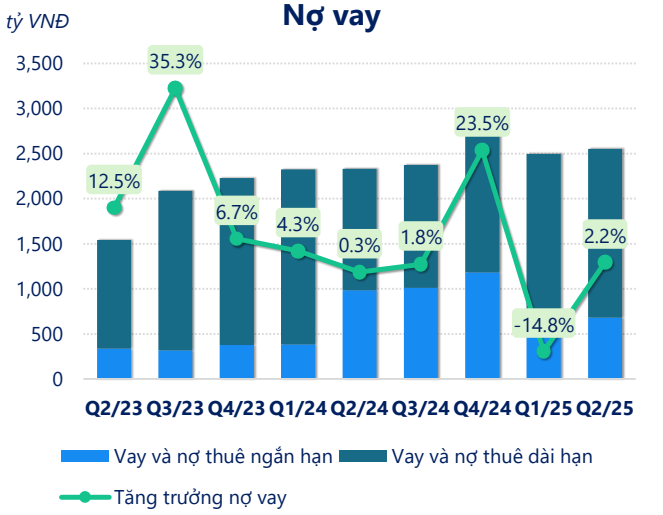
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



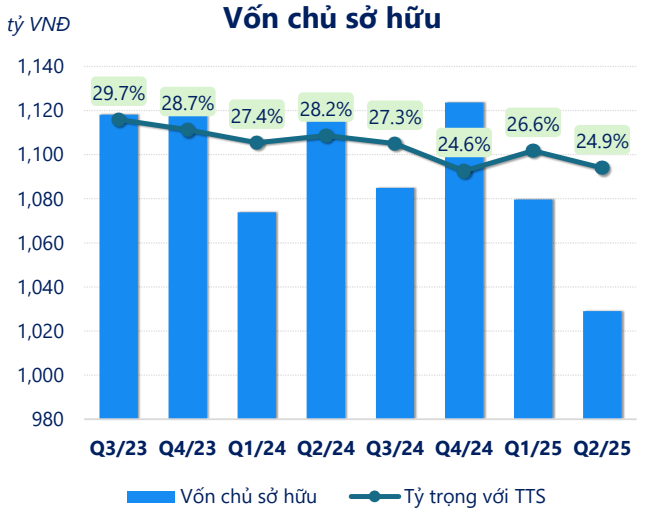
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



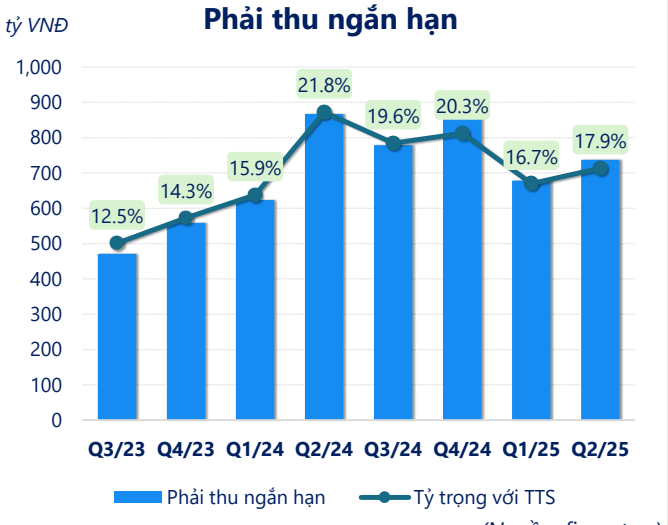
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



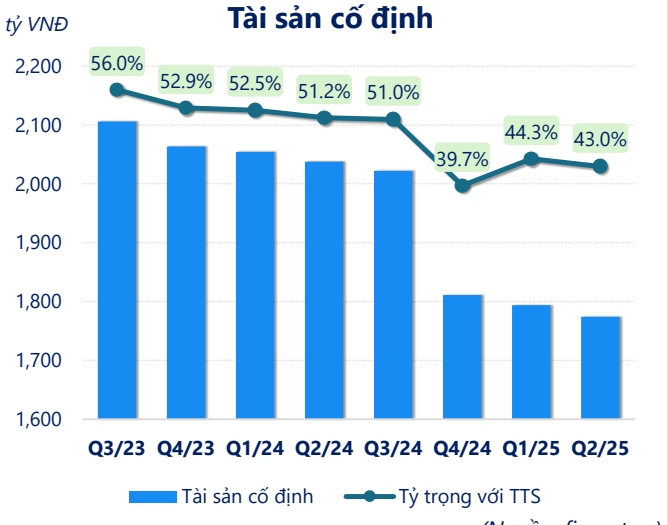
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



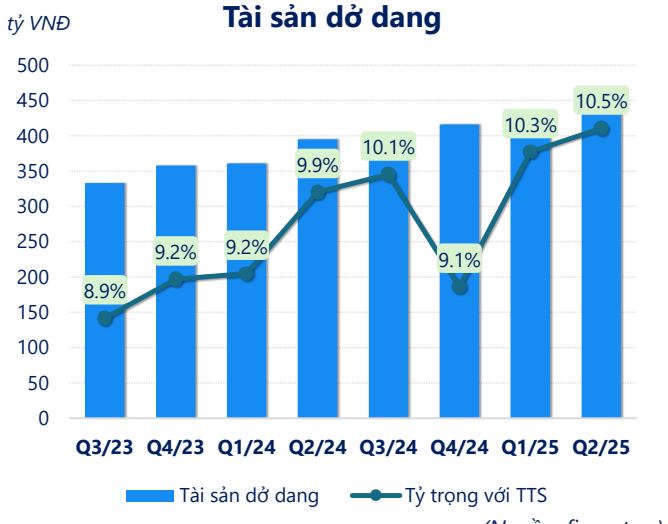
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



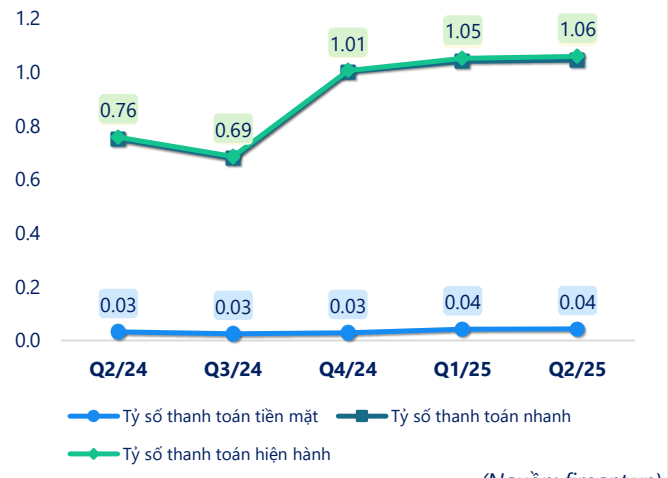
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



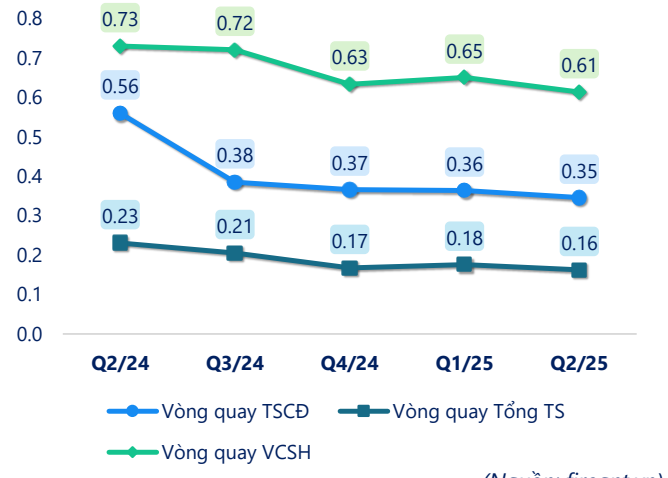
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,978**	**3,968**	**4,560**	**4,053**	**4,130**
Tài sản ngắn hạn	**1,027**	**924**	**1,585**	**1,111**	**1,170**
Tiền và tương đương tiền	43.3	33.9	45.2	44.4	47.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	12.0	512	282	269
Phải thu ngắn hạn	867	778	926	679	737
Hàng tồn kho	9.19	9.49	7.55	11.7	15.1
Tài sản ngắn hạn khác	91.8	90.5	94.5	94.6	100
Tài sản dài hạn	**2,952**	**3,044**	**2,975**	**2,942**	**2,961**
Phải thu dài hạn	106	166	107	95.9	86.3
Tài sản cố định	2,038	2,022	1,811	1,794	1,774
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	395	400	416	416	432
Đầu tư tài chính dài hạn	334	383	582	583	624
Tài sản dài hạn khác	70.9	65.4	56.7	51.1	42.4
Lợi thế thương mại	7.83	7.34	2.42	2.23	1.89
Nợ phải trả	**2,858**	**2,883**	**3,437**	**2,973**	**3,101**
Nợ ngắn hạn	**1,355**	**1,348**	**1,576**	**1,057**	**1,105**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	984	1,011	1,183	708	679
Phải trả người bán ngắn hạn	121	124	152	117	93.6
Nợ dài hạn	1,504	1,535	1,861	1,916	1,997
Vay và nợ thuê dài hạn	1,347	1,361	1,747	1,789	1,872
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,120**	**1,085**	**1,124**	**1,080**	**1,029**
Vốn chủ sở hữu	**1,120**	**1,085**	**1,124**	**1,080**	**1,029**
Vốn điều lệ	973	973	973	973	973
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)